

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG.....	3
1. Vị trí địa lý.....	3
2. Địa hình.....	3
3.Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	3
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	4
6. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:.....	5
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH.....	6
1.Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	6
2.Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	7
3.Nhóm dễ bị tổn thương:.....	7
4.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng:.....	8
5. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	10
6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH.....	10
7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	11
8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH:.....	12
9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH.....	12
10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	12
11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng.....	13
12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	14
14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH	15
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH.....	16
1.Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi).....	16
3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường:.....	19
4. Kết quả đánh giá về y tế.....	20
5. Kết quả đánh giá về giáo dục :.....	21
6. Kết quả đánh giá về rừng.....	23
7. Kết quả đánh giá về trồng trọt: (Trồng lúa, hoa màu, trồng hoa cúc, hoa sen).....	23
9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng thủy sản).....	26
10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch:.....	29
11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác.....	30
12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	31
13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH	33
14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương.....	34

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP	35
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	35
2. Tổng hợp giải pháp phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	41
E. PHỤ LỤC BÁO CÁO	50

Số: /BC-NHTKT

Vinh Thanh, ngày 17 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Vinh Thanh là một xã ven biển, đằm phá Tam Giang - Cầu Hai nằm về phía Đông Bắc huyện Phú Vang, cách trung tâm huyện lỵ Phú Vang 12 km, có ranh giới như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp biển Đông;
- + Phía Đông Nam giáp xã Vinh An;
- + Phía Tây Nam giáp phá Tam Giang;
- + Phía Tây Bắc giáp xã Vinh Xuân.

2. Địa hình

Xã Vinh Thanh là xã đồng bằng ven biển, xã không có hệ thống sông ngòi nhưng phía Tây có phá Tam Giang, phía Đông là biển Đông rất thuận tiện cho giao thông đường thủy. Có đường Quốc lộ 49b, Tỉnh lộ 18 chạy qua và cầu Trường Hà nối liền với đường cứu hộ cứu nạn Thủy Phù – Vinh Thanh, hệ thống giao thông đường bộ của xã nối liền với các đô thị khác tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25		Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	5 đến 7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	11 đến 12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C

4	Lượng mưa Trung bình	Mm	580-755mm	10 đến 11	Tăng thêm khoảng 18,6 mm
---	----------------------	----	-----------	-----------	--------------------------

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			x	
2	Xu hướng bão			x	
3	Xu hướng lũ			x	
4	Số ngày rét đậm			x	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn				Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			x	7,69% (38751.7ha. Diện tích toàn tỉnh Thừa thiên Huế , Tập trung ở khu vực quanh Đầm Phá Tam Giang
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần).			X (giông)	

5. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1053,63
1	Nhóm đất Nông nghiệp	484,13
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	318,64
1.1.1	Đất lúa nước	81,32
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	106,29
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	0
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	131,03
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	121,94

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	121,94
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	43,55
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	0
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	43,55
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	536,85
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	32,65
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	1120
	- Đất ở	1685

Nhận xét: Diện tích trồng lúa nước là 81,32ha, hiện trồng được 20ha, còn lại 61,32ha được chuyển sang trồng sen, hoa cúc, bỏ hoang.

- Diện tích trồng cây hàng năm là 106,29 ha. Thực tế trồng màu là 225ha, còn lại 118,7 ha sử dụng từ đất thổ cư, đất phi nông nghiệp.

6. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ
1	Trồng trọt	14	795	37,5tr/hộ/năm
2	Chăn nuôi	5	1200	8,7tr/hộ/năm
3	Nuôi trồng thủy sản	3	51	125,3tr/hộ/năm
4	Chế biến hải sản	0	0	0
5	Đánh bắt hải sản	17,7	744	50,6 tr/hộ/năm
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	4,3	86	106,5tr/ cơ sở/năm
6	Thương mại, dịch vụ	39,1	1.178	70,6 tr/hộ/năm

7	Du lịch	1,5	9	583tr/hộ/năm
8	Ngành nghề khác- VD. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	15,4	388	84,5 tr/năm/hộ

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1.Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



1.Tóm tắt sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai:

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Bão	Thôn 2,3,6	Cao	Tăng
2	Lụt	Thôn 2,3	Cao	Tăng

² Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³ Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

3	Hạn hán	Thôn 1,2,3,4,5,6	Trung bình	Tăng
4	Nước biển dâng, sạt lở bờ biển	Thôn 1,2,6	Cao	Tăng

2.Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
9/2009	Bão	Toàn xã, nặng nhất thôn 2,6,3	Nhà bị tốc mái	60
			Đường giao thông bị sạt lở	500m
			Nuôi trồng thủy sản	45ha
			Hoa màu bị thiệt hại	400ha
			Hoa cúc	10ha
			Lúa bị thiệt hại	5ha
			
			Ước tính thiệt hại	
11/2015	Rét hại	Toàn xã	Rau màu	19ha
			Hoa cúc	4ha
			Gia súc	85 (bò 10, heo 75)
			Gia cầm	1550 con
			Nuôi trồng thủy sản	30ha
			
			Ước tính thiệt hại	
2017	Lụt	Thôn 3, 2	Nhà bị ngập	15
			Đường giao thông sạt lở	1,1km
			Rau màu	23ha
			Hoa cúc	4ha
			Nuôi trồng thủy sản	45ha
			Cá giống bị thiệt hại	1,241 tỷ
			
			Ước tính thiệt hại	1,57 tỷ đồng

3.Nhóm dễ bị tổn thương:

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi (60 trở lên)		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
	Thôn 1	77	137	131	298	23	91	156	17	32			1	4

	Thôn 2	99	205	202	439	36	125	209	18	42			2	5
	Thôn 3	96	218	233	471	39	186	322	22	55			4	5
	Thôn 4	59	120	107	223	17	81	137	13	24	1	1	8	14
	Thôn 5	43	85	127	235	18	75	122	15	30			3	6
	Thôn 6	50	99	130	287	20	74	125	11	19			0	1
	Tổng	424	864	930	1953	153	632	1071	96	202	1	1	18	35

** Phụ nữ có thai và đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi*

01 người dân tộc thiểu số lấy chồng về thôn 4

4.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng:

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường Mầm non Thôn 2 (2 tầng)	Phòng	6: 4 phòng học 02 phòng hiệu bộ	Cao	2012	Lụt: Thấp Bão: trung bình
2	Trường Mầm non thôn 4 (2 tầng)	Phòng	4 (không có phòng chuyên môn cho GV)	Cao	2015	Ngập lụt: Thấp Bão: trung bình
3	Trường học tiểu học số 1 (Cơ sở 1) Thôn 3	Phòng	16: 14 phòng học 3 phòng Chuyên môn	Thấp	1954	Ngập lụt: TB. Bão: Cao
4	Trường học tiểu học số 1 (Cơ sở 2) Thôn 3 (2 tầng)		15 : 13 phòng học 2 phòng chuyên môn,	Cao	2013	Ngập lụt: Cao Bão: trung bình
5	Trường Tiểu học số 2 Thôn 3 (3 dãy: 02 dãy nhà tầng, 01 dãy nhà không an toàn	Phòng	8: 6 phòng học, 2 phòng chuyên môn	Cao	2008	Ngập lụt: Thấp Bão: trung bình
			2: 2 phòng chuyên môn	Thấp	2008	
			8: 8 phòng học	Cao	2018	Cao
6	Trường THCS	Phòng	11: 3 phòng học,	Thấp	1997	Trung bình

	<i>Thôn 3</i>		7 phòng chuyên môn			
			12: 8 phòng học, 4 phòng chuyên môn	Cao	2010	Thấp
7	<i>Trạm y tế/ Phòng khám</i>	<i>Phòng</i>	7: 5 phòng chuyên môn, 2 phòng hộ sinh	Cao	2012	Thấp
8	<i>Trụ sở UBND</i>	<i>Phòng</i>	16	Cao	2001	Thấp
			5: 4 phòng chuyên môn, 1 kho,	Thấp	2001	Cao
			1 Hội trường	Thấp	1978	Cao
9	<i>Trụ sở UBMTTQVN xã</i>	<i>Phòng</i>	6: 5 phòng chuyên môn, 1 phòng học tập cộng đồng	Thấp	2009	Cao
10	<i>Nhà văn hóa thôn</i>	<i>Nhà</i>	4: thôn 1, 2, 5, 6 Thôn 4 đang xây	Thấp	2000 2008 2006	Cao
11	Đường điện Dây điện được nối cao theo 1.092 cột điện hạ thế	<i>Km</i>	25 km điện hạ thế, trong đó có 0,85 km dây điện cần nâng cấp, sửa chữa.	Cao	2010	Trung bình
12	<i>Đường giao thông</i> <i>Trong đó :</i>	<i>Km</i>	59,290 km, trong đó: Tỉnh lộ 18: 4,7km kiên cố Quốc lộ 49B: 2,8km kiên cố; Đường liên thôn 30,79 km	Trung bình		Trung bình
13	<i>Hệ thống thủy lợi</i> (0,3 km tại thôn 3 được kiên cố)	<i>km</i>	Tổng chiều dài: 13,6 km, 13,3 km chưa được kiên cố.	Thấp		Cao

14	<i>Chợ Sáng Thôn 3</i>	<i>Cái</i>	1 khu vực chợ rộng: 5.889 m ² .	Thấp	2016	Cao
	<i>Chợ Chiều Thôn 2</i>	<i>Cái</i>	1 phòng BQL chợ và 1 khu vực chợ rộng: 2.945 m ² .	Trung bình	2012	Trung bình

Nhận xét:

Trụ sở UBND xã, Trường mầm non, trường tiểu học, trường cơ sở có nhà vệ sinh, nước sinh hoạt cho nam và nữ; Trường THCS không có nhà vệ sinh cho giáo viên.

Đường giao thông có: 59,290 km, trong đó: Tỉnh lộ 18: 4,7km kiên cố Quốc lộ 49B: 2,8km kiên cố; Đường liên thôn 30,79 km; trong đó: 20,94 km kiên cố; 9,85 km chưa kiên cố chiếm 22% (thôn 1 1,48 km, thôn 2 2,01 km, thôn 3 1,76 km, thôn 4 1,65 km, thôn 5 1,2 km, thôn 6 1,75 km); Đường ngõ xóm: 20,82 km; trong đó 4,7 km kiên cố; chưa 16,12 km chưa kiên cố chiếm 77,43%;

5. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, nước biển dâng v.v)	Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà
1	Thôn 1	348	100	170	50	0	01	8
2	Thôn 2	494	35	220	165	0	04	4
3	Thôn 3	634	230	330	80	0	03	1
4	Thôn 4	295	24	174	23	1	01	4
5	Thôn 5	278	45	185	14	0	0	6
6	Thôn 6	299	50	130	27	3	02	4
Tổng		2348	484	1209	359	4	11	27

Nhận xét: Điều tra 2009-2019 điều tra lại nên hiện nay số liệu cụ thể đến thời điểm này tạm thời tính theo số liệu các thôn báo cáo.

Có 10 quán bán hàng sát bãi biển, trong đó có 09 quán bán hàng tại bãi tắm Vinh Thanh người dân vừa bán hàng vừa sinh sống tại quán để trông tài sản (Thôn 1, 4. Mỗi thôn 01 hộ; Thôn 3: 03 hộ; Thôn 2: 04 hộ; Thôn 6: 02 hộ - 1 hộ thuộc bãi tắm biển); 01 hộ thôn 5 có bán quán tại bến phà thôn 3.

6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BDKH⁴

⁴ Phục vụ dự án GCF

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
1	Nhà tạm bợ	4	0	86
2	Nhà thiếu kiên cố	297	62	881
3	Nhà bán kiên cố	585	624	2624
4	Nhà kiên cố	156	328	687
	Tổng số	1042	1014	4278

Nhận xét: Khi lũ, lụt 80% địa bàn xã ngập, có 180 nhà ngập sâu 1-1,5 mét, thời gian ngập 4-5 ngày

+ **Nhà có nguy cơ cao do bão:** Thôn 1: 220; Thôn 2: 102; Thôn 3: 280; Thôn 4: 120; Thôn 5: 150; Thôn 6: 170

+**Nhà ở vùng nguy cơ cao do lụt:** Thôn 1: 50; Thôn 2:63; Thôn 3 250; Thôn 4: 40; Thôn 5: 16; thôn 6: 0

7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/ nước máy/ Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Thôn 1	348	245	330	85		Cao	195	105		Cao
Thôn 2	494	347	409	63		Cao	354	55		Cao
Thôn 3	634	212	632	420		cao	414	28		Trung bình
Thôn 4	295	200	275	75		Trung bình	170	91		Trung bình
Thôn 5	278	210	215	0		Cao	141	68		Cao
Thôn 6	299	197	227	30		Trung bình	200	27		Trung bình
Cộng	2348	1411	2088	673	0	-	1474	374	0	

Nhận xét: Nước máy được cung cấp bởi Nhà máy nước Nam sông Hương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa thiên Huế; cung cấp cho 673 hộ, số còn lại dùng giếng khoan; Thôn

1, 2, 3, 4, 6 được sử dụng nước máy, riêng thôn 5 chưa có hộ nào được sử dụng; 374 hộ nhà vệ sinh còn là nhà tạm.

8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BDKH:

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	1	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	4	2	3	0	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Bệnh ngoài da...	0	0	0	0	0
6	Tai nạn thương tích	0	0	2	0	0

Nhận xét:

Hầu hết trước, trong và sau thiên tai tại địa phương không có dịch xảy ra, chỉ có một số nhỏ lẻ trẻ em và người già mắc các bệnh về hô hấp (trong đó: 3/7 trẻ em nữ; 2/5 người già là phụ nữ). Có 2 trường hợp bị tai nạn thương tích là nam giới. Nguyên nhân không bùng phát dịch bệnh là do UBND xã đã tuyên truyền vận động, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch ngay từ trước thiên tai. Sau thiên tai, Trạm y tế chủ động phun thuốc, làm sạch nguồn nước, đảm bảo không có vi khuẩn gây bệnh.

9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BDKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, thấp, trung bình)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Thôn 1	Thấp	Cao
2	Thôn 2	Trung bình	Trung bình
3	Thôn 3	Trung bình	Thấp
4	Thôn 4	Trung bình	Trung bình
5	Thôn 5	Thấp	Cao
6	Thôn 6	Thấp	Cao

Nhận xét: Thôn 1, thôn 5, 6 khả năng kiến thức về Phòng ngừa dịch bệnh thấp; thôn 2,3,4 kiến thức Phòng ngừa dịch bệnh ở mức trung bình.

10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BDKH⁵

⁵ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn	0	0	
Rừng trên cát (Cây phi lao, cây keo)	121,94ha a	0	100%
Rừng tự nhiên	0	0	
Rừng khác	0	0	
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	0	0	
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	21,95ha	0	
Tổng			

11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
Rừng ngập mặn	0	0	0
Rừng trên cát (Rừng phòng hộ)	Cây phi lao, keo	Phát triển vườn ươm để cung cấp giống cây lâm nghiệp cho xã và các xã lân cận (12 vườn ươm: Thôn 2,3,4,5 mỗi thôn 3 vườn).	12
Rừng tự nhiên	0	0	0
Rừng khác	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng (0	0	0

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

trồng xen vào diện tích rừng hiện có);			
Tổng			

Nhận xét: Có 12 hộ dân đã thực hiện ương giống cây lâm nghiệp để phục vụ cho xã và các địa phương lân cận với tổng diện tích 1,285ha. Trong đó Thôn 2: 03 hộ 0,65ha; Thôn 3 03 hộ 0,3ha; Thôn 4 03 hộ 0,1ha; Thôn 5 03 hộ 0,235ha. Chủ yếu các hộ ương trầm lai, bầu trầm và phi lao, riêng có 1 hộ Thôn 2 có ương Bạch đàn.

12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	795	0,75 tấn/ha/năm	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	1.200	1,3 tấn/năm	Trung bình	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha) 45ha	51	2 tấn/năm/hộ	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	744	3,63 tấn/năm/hộ	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân) (141 lao động).	86	106,5 tr/hộ/năm	Trung bình	Thấp
6	Thương mại, dịch vụ	1178	70,6tr/ năm /hộ	Trung bình	Trung bình
7	Du lịch	9	583tr/hộ/năm	Thấp	Cao
8	Ngành nghề khác- VD. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	388	84,5tr/hộ/năm	Trung bình	Trung bình

13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh	%	75

	TW/tỉnh		
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm	58
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu).	Thôn/Tổng số thôn	6/6

Nhận xét:

Ngoài 6 thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu), khi có thông báo, UBND xã luôn thông báo cho 2 khu vực chợ và cho các chi hội nghề cá để đảm bảo an toàn cho nhân dân khi có sự cố.

14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	DVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	6/6 thôn không có kế hoạch (Thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH của xã)
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4/4 trường không có kế hoạch riêng mà thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH xã
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	0
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	29 (4 nữ)
	- Trong đó số lượng nữ	Người	04
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	0
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã (Đội cứu hộ cứu nạn)	Người	145 người
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	22
	- Lực lượng dân quân tự vệ	Người	100 (nữ 7)
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'ĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	161

	- Áo phao	Chiếc	30
	- Phao cứu sinh	Chiếc	18
	- Loa	Chiếc	5
	- Đèn pin	Chiếc	20
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01 của xã (100 cái của dân)
	- Lều bạt	Chiếc	0
	- Xe vận tải	Chiếc	50
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	kg	100 (vôi bột)
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Cơ số	01 cơ số
10	Một số loại vật tư khác (viên lọc nước)	Viên	1.000

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1.Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH H (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(4)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Thôn 1,2,34,5,6	Trung bình	+ Nhà văn hóa 6 thôn nhà cấp 4 không an toàn + Trụ sở UBND xã : 01 dãy nhà công an, các đoàn thể và hội trường là nhà mái ngói không an toàn khi có bão xảy ra; +Trường THCS còn 01 dãy 11 phòng nhà thiếu kiên cố không an toàn khi có bão; +Trường tiểu học cơ sở 1 nằm tại thôn 3 nhà thiếu kiên cố, xây dựng đã lâu không an toàn khi có thiên tai.	Thấp	Cao

			<p>+ Trường học tiểu học số 1 (Cơ sở 1) tại thôn 3 nhà kém an toàn;</p> <p>* Đường giao thông</p> <p>- Đường liên thôn 30,79 km; trong đó: 9,85 km chưa kiên cố chiếm 22% : thôn 1: 1,48 km, thôn 2: 2,01 km, thôn 3: 1,76 km, thôn 4: 1,65 km, thôn 5: 1,2 km, thôn 6: 1,75 km);</p> <p>- Đường ngõ xóm: 20,82 km; trong đó 16,12 km chưa kiên cố chiếm 77,43%</p> <p>- Đường giao thông nội đồng: 2,0 km chưa được bê tông hóa.</p> <p>* Hệ thống điện lưới: 8/1092 cột điện bị hư hỏng</p> <p>* Hệ thống kênh mương:</p> <p>+ Tổng chiều dài: 13,6 km, 13,3 km chưa được kiên cố trong đó: thôn 1: 1,7 km, thôn 2: 2km, thôn 3: 2,9 km, thôn 4: 2,9 km, thôn 5: 3,8km</p> <p>- Hệ thống cầu, cống tiêu thoát nước xuống cấp 09 cái (Thôn 5 có 2 cống xuống cấp; Thôn 3: 2 cống; Thôn 6: 3 cống; Thôn 4: 2); Cầu: 01 thôn 2, 01 thôn 6.</p>		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): UBND xã, trường học cơ bản đã được kiên cố hóa, còn lại một số dãy nhà chưa đảm bảo an toàn (nhà thiếu kiên cố); Có các công trình nước sạch vệ sinh tuy nhiên mới đáp ứng sinh hoạt khi thiên tai chưa xảy ra; khi thiên tai xảy ra quá tải, tất cả các công trình công trình vệ sinh cho nam/nữ riêng, tuy nhiên chưa thuận lợi cho người khuyết tật;

*** Hệ thống điện lưới:** 8/1092 cột điện bị hư hỏng, đang được khắc phục dần.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng công nghệ): UBND xã Có 3 dãy nhà 16 phòng. Trong đó 01 dãy cao tầng nằm ở vùng cao an toàn làm nơi trú ẩn khi có bão, lụt; Trường Mầm non: Có 2 điểm trường nằm tại thôn 2 và thôn 4: 10 phòng, nhà vệ sinh khép kín cho nam, nữ; nằm ở vùng an toàn làm nơi trú ẩn an toàn khi có lụt, bão; Trường Tiểu học: Có 02 trường: Trường tiểu học số 1 có 02 cơ sở: Cơ sở 01 tại thôn 3 có 16 phòng; Cơ sở 2 tại thôn 3: Có 15 phòng; Trường Tiểu học số 2 tại thôn 3: có 8 phòng 2 tầng, có nhà vệ sinh cho nam, nữ; Trường THCS: 02 dãy nhà 02 tầng với 22 phòng (01 dãy 10 phòng, 01 dãy 12 phòng) Có công trình vệ sinh, nước sinh hoạt đảm bảo an toàn di dời khi bão, lụt xảy ra;

***Đường giao thông:** Đường giao thông có: 59,290 km. Trong đó quốc lộ 49 B: 2,8km đã được rải nhựa mặt đường rộng thuận lợi cho việc đi lại, di dời sơ tán. Tỉnh lộ 18: 4,7km kiên cố, Đường liên thôn 30,79 km; trong đó: 20,94 km kiên cố; 9,85 km chưa kiên cố chiếm 22%; Đường ngõ xóm: 20,82 km; trong đó 4,7 km kiên cố, Đường giao thông nội đồng 2,3 km; trong đó 0,3 km được kiên cố;

* **Thủy lợi:** 0,3km đã được kiên cố hóa; Có **44** công; Đang sử dụng tốt: **35** công (Thôn 5: 4 cầu, 2 công (2 công đã xuống cấp) ; Thôn 1: Cầu 2, công 4 kiên cố; Thôn 3: 8 công).

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Nhà văn hóa thôn, 02 dãy nhà UBND xã, Trường tiểu học cơ sở 1 thôn 3, 02 dãy nhà trường THCS bị hư hỏng, tốc mái khi có bão;

-30,79 km đường liên thôn, 20,82 km đường ngõ xóm, 2,0 km đường giao thông nội đồng bị hư hỏng, đi lại khó khăn khi thiên tai xảy ra.

-08 cột điện sáng bị hư hỏng chưa được khắc phục bị gãy đổ khi bão xảy ra

-09 công thoát nước, 02 cầu hư hỏng mất an toàn khi thiên tai xảy ra.

2. Kết quả đánh giá về nhà ở:

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH H (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH H (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Thôn 1,2,3,4,5, 6	Tăng	-Nhà thiếu kiên cố: 359 nhà -Nhà bán kiên cố: 1029 nhà - Nhà đơn sơ tạm bợ: 4 nhà - Nhà có nguy cơ cao do bão: Thôn 1: 220; Thôn 2: 102; Thôn 3: 280; Thôn 4: 120; Thôn 5: 150; Thôn 6: 170 -Nhà ở vùng nguy cơ cao do lụt: Thôn 1: 50; Thôn 2:63; Thôn 3 250; Thôn 4: 40; Thôn 5: 16; thôn 6: 0	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Đa số các hộ nghèo, hộ khó khăn thiếu kiến thức xây nhà an toàn;Thiếu nhân lực để chằng chống trước mùa thiên tai, toàn xã có 622 lao động đi làm ăn xa; 196 phụ nữ làm chủ hộ, 33 phụ nữ đơn thân. Một số hộ chủ quan không gia cố chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.

Nhà thuộc dự án GCF hỗ trợ theo danh sách đề nghị phê duyệt là 12 nhà, hiện nay có 01 nhà thôn 3 đang được xây dựng; khó khăn trong việc hỗ trợ làm nhà cho các hộ, do các hộ không có vốn đối ứng và không có sự hỗ trợ của địa phương nên các hộ không nhận nguồn hỗ trợ.

Theo sự chỉ đạo của huyện ưu tiên làm nhà cho các hộ có nhà thiếu kiên cố nằm trong vùng nguy cơ cao do lụt trước.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): Nhà kiên cố: 484: Thôn 1: 100, Thôn 2: 35; Thôn 3: 230, Thôn 4:24; Thôn 5: 45; Thôn 6: 50

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

-Nhà ở bị tốc mái hư hỏng khi thiên tai xảy ra.

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>Bão lụt, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn</i>	Thôn	Xu hướng thiệt hại <i>(tăng, giữ nguyên, giảm)</i>	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng <i>(Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)</i>	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH H <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BĐKH <i>(cao, trung bình, thấp)</i>
(1)	(2)		(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	1,2,3,4,5,6	Tăng	+60% số hộ chưa được sử dụng nước máy phải sử dụng nước giếng khoan và giếng đào. + Số hộ có nhà vệ sinh tạm còn cao: 374 hộ; + Có đội thu gom rác thải 2lần/tuần. + Khi mưa lớn cống không thoát kịp gây lụt cục bộ, thời gian ngập khéo dài từ 1 – 2 giờ mới thoát hết. -Hệ thống cống thoát nước chưa được kiên cố hóa.	Trung bình	Cao

Nhận xét;

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Không có bác sĩ chuyên khoa nên chỉ đáp ứng được một số bệnh đơn giản như bệnh cảm cúm, tiêu chảy, tai nạn thương tích; Công tác quản lý buôn bán thuốc chưa được kiểm tra thường xuyên; Khi mưa lớn ngập lụt ứ đọng gây ô nhiễm môi trường; 20% dân chưa có ý thức đổ rác đúng nơi quy định và chưa đóng phí. Một bộ phận hộ dân không chủ động thu gom rác thải, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật còn thải bao bì ra, ra môi trường.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): Có 673 hộ có sử dụng nước máy, 95% số hộ có bể dự trữ nước trong thời gian xảy ra ngập lụt, cúp điện trong 1-2 ngày; Có 1474 hộ có nhà vệ sinh tự hoại; Có đội thu gom rác thải mỗi tuần thu gom 2 lần được xử lý tại nhà máy Hương Thủy; có các dụng cụ, thùng đựng rác ở nơi công cộng. Có Hệ thống rãnh thoát nước được bê tông hóa có nắp đậy (khoảng 1 km)

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

-Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước khi thiên tai xảy ra.

-Dịch bệnh có nguy cơ xảy ra sau thiên tai

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>Bão, lụt, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng	Thôn 1,2,3,4,5,6	Tăng	-Không có bác sĩ chuyên khoa, việc khám chữa bệnh chỉ đáp ứng được một số bệnh đơn giản như bệnh cảm cúm, tiêu chảy, tai nạn thương tích; Công tác quản lý buôn bán thuốc chưa được kiểm tra thường xuyên; -Thiếu thuốc khám BHYT, không có phòng khám phụ khoa chuyên khoa; ngoài bệnh nhân khám bảo hiểm y tế, ít bệnh nhân nằm điều trị, bệnh nhân chủ yếu là lên tuyến trên điều trị; - Có 30% hộ chưa có kiến thức về sử dụng thuốc nam; 75% hộ chưa có tủ thuốc gia đình, chưa có ý thức khám sức khỏe định kỳ; -Thiếu các trang thiết bị khám chữa bệnh; Tâm lý người dân không muốn nằm điều trị, sinh	Trung bình	Trung bình

			để tại trạm y tế		
--	--	--	------------------	--	--

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Công tác tuyên truyền sức khỏe, nước sạch vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;

Cột 5 (năng lực, kỹ năng): -Số lượng cán bộ trạm y tế: 6 người (3 nam, 3 nữ) gồm 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 3 nhân viên. Cộng tác viên 6 người; Năm 2017 tổ chức 3 lớp tập huấn kiến thức về sơ cấp cứu cứu hộ cứu nạn; tập huấn phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống đuối nước, phòng chống dịch bệnh; Tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh sau thiên tai, phun hóa chất phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh theo mùa và tiêm chủng mở rộng; Có 140 loại thuốc Tây, 32 loại thuốc Đông y; Trên địa bàn xã có 09 điểm buôn bán thuốc tây; 02 điểm bán thuốc đông y. Hàng năm trạm y tế có xây dựng kế hoạch PCTT theo chỉ đạo của Ngành y tế; Có 7 thành viên trong tổ PCTT, phân công mỗi cán bộ y tế phụ trách 1 thôn; Ông Đoàn Trọng Sinh –Trưởng trạm phụ trách chung. Trong kế hoạch đưa ra được những hoạt động trước, trong, sau thiên tai đối với công tác y tế; Có sơ đồ theo dõi phòng chống dịch; Thường xuyên tổ chức truyền thông các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia.

-Chương trình tiêm chủng mở rộng cho các trẻ em dưới 1 tuổi và các bệnh khác (Viêm não nhật bản: số lượng 2783, trong đó 2303 trẻ dưới 1 tuổi và 480 đối tượng tiêm vắc-xin phòng Viêm não nhật bản); Tổ chức tuyên truyền về sức khỏe sinh sản: hình thức tuyên truyền là nói chuyện chuyên đề cho nông dân, phụ nữ, thanh niên trong độ tuổi sinh đẻ (trong đó 390 lượt người/2 đợt, 298 nữ, 92 nam). Các tuyên truyền viên, công tác viên, chi hội trưởng, phụ nữ, nông dân, đoàn thanh niên sẽ tuyên truyền sâu rộng xuống người dân thuộc các thôn; Tuyên truyền về giới: hình thức tuyên truyền là nói chuyện chuyên đề cho 45 người (trong đó 35 nữ, 10 nam). Tuyên truyền về giới, bình đẳng giới, công bằng giới, bạo lực gia đình.

- Thuốc tiêu trùng khử độc Clorami B, 100 kg vôi bột, đáp ứng việc xử lý môi trường sau thiên tai trong xã, viên lọc nước Aquatap 1.000 viên.;

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

-Nguy cơ mắc các bệnh về đường tiêu hóa, hô hấp và đột quy cao

5. Kết quả đánh giá về giáo dục :

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	Tình trạng dễ bị tổn thương	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
<i>Bão lụt, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn</i>		<i>(Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)</i>		<i>(Cao, Trung</i>	<i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>

				<i>Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Thôn 1,2,3,4,5 ,6	Giữ nguyên	-Các nhà trường có xây dựng kế hoạch PCTT&TKCHCN theo chỉ đạo của Ngành Giáo dục, việc phối kết hợp về Công tác PCTT chưa được đồng bộ ; chủ yếu thực hiện theo sự phân công nhiệm vụ của kế hoạch PCTT của xã - Các trường học chưa được đầu tư trang thiết bị PCTT như: áo phao, phao cứu sinh, máy điện, loa cầm tay, đèn pin... -Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH và kỹ năng sơ cấp cứu, giới, giới tính và nhạy cảm giới. -Các trường chưa tổ chức dạy bơi cho các em học sinh.	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho giáo viên, học sinh vì vậy chưa thực hiện truyền thông buổi học ngoại khóa về PCTT, BDKH cho các em học sinh; tài liệu truyền thông không có, không có bể dạy bơi cho các em học sinh. Công trình vệ sinh còn thiếu, giáo viên và học sinh đang sử dụng chung;

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): Đa số các trường học được xây dựng kiên cố;Thực hiện nghiêm túc phương án PCTT của Ban Chỉ huy PCTT xã đã xây dựng, chủ động xây dựng kế hoạch PCTT theo chỉ đạo của ngành giáo dục phân công; Có khả năng tiếp cận công nghệ thông tin về cảnh báo thiên tai cao (giáo viên); Năm 2017 có 03 em học sinh nghỉ học nhà trường đã phân công giáo viên đến gia đình để trao đổi vận động các em đi học(nhưng không nhận được sự đồng thuận của gia đình) ; Các trang thiết bị: Phòng ban chuyên môn có 05 máy vi tính; phòng học có 20 máy tính, hiện đang sử dụng được 14 máy. 01 bộ loa máy kéo; Có 01 cán bộ y tế học đường, thường xuyên thực hiện truyền thông về tai nạn thương tích, phòng chống bệnh theo mùa...

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Học sinh bỏ học theo bố mẹ đi làm ăn xa;
- Học sinh có nguy cơ bị đuối nước.

6. Kết quả đánh giá về rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thôn 1,2, 6	Thấp	-Còn 21,95ha chưa được trồng -Diện tích rừng dọc theo 3km bờ biển của xã -Chưa khai thác được du lịch biển rừng kết hợp - Thiếu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng. -Hàng năm chưa tổ chức diễn tập.	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

Cột 4: Diện tích rừng được trồng cây phi lao, cây keo, hàng năm thường hay xảy ra cháy rừng do người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức về phòng cháy chữa cháy.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng); Xã có 121,94ha diện tích rừng phòng hộ. Trong đó: Thôn 6: 64ha; Thôn 1: 32,5ha ; thôn 2: 25,44ha; Công tác quản lý rừng do tổ cộng đồng tại các thôn quản lý (thôn 6: 5 tổ : 27 người nam; Thôn 1, thôn 2 có 6 tổ quản lý;18 người, mỗi tổ 03 người; Hàng năm các thành viên được tập huấn về phòng cháy, chữa cháy.

Cột 6: Rừng có nguy cơ bị gãy, đổ khi thiên tai xảy ra

7. Kết quả đánh giá về trồng trọt: (Trồng lúa, hoa màu, trồng hoa cúc, hoa sen)

Loại hình Thiên tai/BĐKH Bão, lũ, Sạt lở bờ biển, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu	Thôn/hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng: diện tích trồng trọt có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH H	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
--	----------------	---	--	---	---

<i>hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>				<i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lũ,Lụt, bão	Thôn 1,2,3,4,5, 6	Giữ nguyên	-20ha trồng lúa nằm trong vùng trũng, thấp; - 80 ha diện tích trồng màu nằm trong vùng trũng, thấp; -Tổng chiều dài: 13,6 km, 13,3 km chưa được kiên cố trong đó: thôn 1 1,7 km, thôn 2 km, thôn 3 2,9 km, thôn 4 2,9 km, thôn 5 3,8; Hệ thống cống tiêu thoát nước xuống cấp 09 cái (Thôn 5 có 2 cống xuống cấp; Thôn 3: 2 cống; Thôn 6: 3 cống; Thôn 4: 2);	Trung bình	Cao
Hạn hán	Thôn 1,2,3,4,5, 6	Gia tăng	-Không có hồ đập dự trữ nước -Hệ thống kênh mương chưa được kiên cố, không chủ động được nguồn nước tưới. -Thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, các hộ gia đình chưa chủ động đầu tư, tìm đầu ra cho sản phẩm.	Trung bình	Trung bình
Rét hại	Thôn 1,2,3,4,5, 6	Gia tăng	-Địa phương chưa hỗ trợ đầu tư đường điện chiếu sáng cho các hộ trồng hoa -Chưa có đơn vị bao tiêu sản phẩm - Địa phương không có địa điểm cung cấp giống hoa, phải đi mua từ các tỉnh khác	Trung bình	Trung bình

Nhận xét :

Cột 4 (tình trạng dễ bị tổn thương): Về trồng trọt: **Trồng lúa:** Tổng diện tích là 81,32ha, trong đó diện tích trồng là 20ha (còn lại 61,32ha là từ diện tích trồng lúa chuyển đổi sang trồng sen, hoa cúc, bỏ hoang); **Rau màu:** diện tích là 106,29ha, thực tế trồng là 225ha, trong đó 118,7ha được sử dụng từ đất thổ cư, đất phi nông nghiệp để trồng màu và trồng hoa. Thời tiết biến đổi bất thường lúa hoa màu thường bị sâu bệnh, bị ảnh hưởng bởi thiên tai lũ,lụt, năng suất, chất lượng lúa, hoa màu bị giảm năng suất, mất thu hoạch; Sản xuất theo tự

phát, nhỏ lẻ không có sự liên kết với các cấp chính quyền và liên kết 5 nhà (Nhà nước, Doanh nghiệp, nhà nông, nhà băng, nhà khoa học);

Cột 5 (năng lực,kỹ năng): Diện tích trồng màu nằm ở vùng ít bị ảnh hưởng do lũ lụt: 145 ha, hệ thống kênh mương được kiên cố : 0,3/13,6km; **Máy móc trang thiết bị phục vụ sản xuất:** Máy gặt: 01 (thôn 05), máy tuốt lúa: 01 (thôn 5), Máy cày; Thôn 6: 1 cái, Máy bơm nước dùng bằng mô tơ 100% các hộ, hệ thống tưới nước tiết kiệm 02 (thôn 3).Có 600 hộ tham trồng rau màu, Nữ tham gia 80%;Nam 20%. Hiện nay có mô hình trồng rau an toàn 11 hộ đang rất hiệu quả.

Trồng hoa sen, hoa cúc): 150 lao động thuộc 75 hộ, 60 ha; Tham gia SX:Nam: 20 %, Nữ 80 %. Khi thu hoạch sen thì lao động nam tham gia là chủ yếu; Bao gồm :Thôn 1: 18 hộ,Thôn 2: 20 hộ,Thôn 3: 0 hộ, Thôn 4: 14 hộ, thôn 5: 10 hộ, Thôn 6: 13 hộ; Số iện tích trồng hoa tại các thôn như sau; Thôn 1:0; Thôn 2: 19, Thôn 4:9, thôn 5: 3ha, thôn 6 28ha; Có mô hình chuyển đổi trồng lúa kém hiệu quả sang trồng hoa sen đây là mô hình rất hiệu quả, địa phương đang trong quá trình xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm từ sen; Mô hình trồng hoa chậu có mẫu mã đẹp đem lại giá trị kinh tế cao.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai xảy ra;
- Hoa cúc bị thối giống dập nát, hư hỏng.
- Hoa sen bị lép hạt giảm năng suất, chất lượng

8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoan hơn v.v.)</i>	Thôn	Xu hướng thiệt hại <i>(Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)</i>	TTDBTT <i>(Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	Thôn 1,2,3,4,5,6	Giữ nguyên	-Chuồng trại chưa đảm bảo, đơn sơ; Chưa thực hiện tiêm phòng đầy đủ cho gia súc, gia cầm -Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, gia trại người dân tiêm phòng về chăn nuôi không theo quy định nhà nước (không theo hướng dẫn cán bộ thú ý)	Trung bình	Cao

			- Đa số các hộ chủ quan không di dời gia súc gia cầm lên cao trước khi có lụt		
Rét hại	Thôn 1,2,3,4,5,6	Giám	-Thiếu kiến thức, kinh nghiệm phòng tránh rét cho gia súc, gia cầm, không dự trữ thức ăn cho gia súc trước mùa thiên tai; -Chăm sóc gia súc, gia cầm chưa thực hiện theo sự khuyến cáo của địa phương và trên hệ thống thông tin đại chúng. - Chưa đủ kinh phí để trang bị các máy sưởi ấm cho gia cầm.	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Đa số các hộ dân chưa được tập huấn kiến thức về chăn nuôi gia súc, gia cầm; việc khuyến cáo, tiêm phòng chưa được tuyên truyền sâu rộng, thực hiện thường xuyên.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng):. Tổng đàn Gia súc, gia cầm: 33.791con.Trong đó:3.610 con lợn, 61 trâu bò, gia cầm 30.120; Có 1.200 hộ chăn nuôi;T1: 180; T2: 270; T3: 250; T4: 150; T5: 150; T6: 200; 20 gia trại nuôi lợn, 10 gia trại nuôi gia súc. Năm 2017 hỗ trợ đệm lót sinh học cho 19 hộ chăn nuôi gà. Cụ thể các thôn: T1: 3, T2:3, T3:5, T4: 2, T5:3, T6: 3;

Hỗ trợ, hướng dẫn các hộ chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường. Hiện nay có mô hình nuôi gà Ai cập đẻ trứng; mô hình chăn nuôi lợn, gà lấy thịt 12 hộ đạt hiệu quả cao.Năm 2017 Hội Nông dân đã tỉnh đã tổ chức 1 lớp kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh gà lợn với 33 học viên tham gia (17 nữ); hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo nuôi gà Ai Cập đẻ trứng, với số tiền 300trđ.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

-Gia súc gia cầm có bị chết,trôi, dịch bệnh;

- Chuồng trại chăn nuôi bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra.

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng thủy sản)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (lụt, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
--	-------------	---	--	---	---

<i>hơn</i>				<i>Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.Đánh bắt	744 hộ				
Bão, lụt, nước biển dâng	-Thôn 1: 30 hộ -Thôn 2: 70 -Thôn 3: 10 -Thôn 4: 40 -Thôn 6: 135 (285 hộ)	Tăng	-Ghe đánh bắt gần bờ : 95 chiếc -Ghe đánh bắt đằm phá: 40 chiếc -Chủ yếu là đánh bắt theo kinh nghiệm, chưa được tập huấn cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu. -Một số chủ tàu thuyền không tuân thủ lệnh của Ban CHPCTT&TKCHCN địa phương khi có thông báo về thiên tai, chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, BDKH. - Một số tàu thuyền đánh bắt gần bờ chưa có các phương tiện cảnh báo, có áo phao nhưng không mặc áo phao khi tham gia đánh bắt. - Chủ quan trong quá trình đánh bắt; tranh chấp ngư trường giữa các tỉnh và tàu nước ngoài gây hư hỏng phương tiện ngư lưới cụ. -Có nơi neo đậu tàu thuyền tại thôn 3 chưa được quy hoạch và đầu tư xây dựng; Chưa có cảng cá, kho đông lạnh bảo quản hải sản. -Đánh bắt xa bờ: bào quản sản phẩm theo phương pháp thông thường	Thấp	Cao
2.Nuôi trồng thủy sản					
Bão, lụt, nước biển dâng	Nuôi các nước lợ: 45 ha với 51 hộ: -Thôn 1:	Tăng	-15ha nuôi trồng ngoài đê bao; Bờ bao không kiên cố -Các hộ nuôi trồng thủy sản chưa được tập huấn kiến thức cứu hộ cứu nạn; Không mang áo phao khi đi lao động, chưa	Thấp	Cao

	10 hộ -Thôn 2: 5 hộ -Thôn 3: 20 -Thôn 5: 16 hộ		được tập huấn kiến thức về PCTT, BDKH. -Đầu ra sản phẩm không ổn định, phụ thuộc vào giá cả thị trường. -Có chủ quan, tư tưởng của bà con thường là được ăn thua chịu; không tuân thủ sự khuyến cáo của chính quyền địa phương.		
Rét hại	Thôn 1,2,3,5	Giữ nguyên	-Người dân thiếu kiến thức về phòng tránh rét cho thủy sản. -Chưa có sự khuyến cáo của chính quyền địa phương.	Thấp	Cao
Nắng nóng	Thôn 1,2,3,5	Tăng	Người dân chủ quan, thiếu máy móc, phương tiện, thiếu kiến thức để chăm sóc thủy sản khi nắng nóng kéo dài;	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Không có hợp tác xã nghề cá để hỗ trợ các chủ tàu thuyền về vật tư, sản phẩm đầu ra. Chưa được hướng dẫn cách neo đậu tàu thuyền theo đúng kỹ thuật; Sản phẩm làm ra phụ thuộc vào thương lái, giá cả không ổn định; Hoạt động đánh bắt theo kinh nghiệm là chủ yếu, đa số lao động tham gia đánh bắt chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn, kiến thức về PCTT, BDKH. Việc bảo quản sản phẩm theo phương pháp thông thường.

Nuôi trồng thủy sản: Không quy hoạch hồ chứa nước thải, thải trực tiếp ra môi trường. Chất lượng con giống không đảm bảo, đầu ra không ổn định

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): Cột 4: 285 hộ (nam 95%); Tổng thu nhập: Thôn 1: 30 hộ, Thôn 2: 70; Thôn 3: 10, Thôn 4: 40, Thôn 6: 135; Đa số lao động có nhiều kinh nghiệm đánh bắt, có sức khỏe, 100% lao động đánh bắt biết bơi. Hiện nay có mô hình đan vá lưới 38 thành viên. Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho chị em phụ nữ.

-Là địa phương bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển nhưng đã được hỗ trợ kịp thời về kinh phí để các hộ ổn định cuộc sống; mở lớp dạy nghề học bằng lái xe cho: 30 người (5 nữ); Lớp nấu ăn 30 người (100% nữ).

-Tàu thuyền đánh bắt xa bờ 26 chiếc được trang bị bộ đàm, Icom, thiết bị định vị, bộ phát tần số và một số thiết bị an toàn khác; Thành lập 3 chi hội nghề cá: Chi hội đánh bắt xa bờ, chi hội ven bờ, chi hội đánh bắt đầm phá, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau về kinh nghiệm đánh bắt. Hàng năm Hội nghề cá của Tỉnh đã tập huấn chương trình cứu hộ cứu nạn cho các chủ tàu thuyền đánh bắt xa bờ; Năm 2017 nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng 01 tàu đánh bắt xa bờ.

Nuôi trồng thủy sản theo mô hình xen ghép: Nuôi cá nước lợ: 45 ha, 51 hộ, nữ tham gia 20%; Trong đó: Thôn 1: 10 hộ; Thôn 2: 5 hộ. Thôn 3: 20; Thôn 4: 0, Thôn 5: 16 hộ, Thôn 6: 2hộ; Diện tích nuôi trồng: Thôn 1: 5ha; Thôn 2: 2ha; Thôn 3: 22ha ; Thôn 4: 5ha; Thôn 6: 3ha; Thôn 5: 8 ha. Năm 2017 tổ chức tập huấn 02 lớp kỹ thuật nuôi trồng thủy sản với 60

lượt người tham gia (Nữ 20ng); 100% các hộ nuôi trồng đã đầu tư tạo ô xy cho môi trường nước; 30ha nuôi trồng thủy sản được địa phương hỗ trợ đầu tư bờ bao

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra
- Tàu thuyền, ngư lưới cụ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra
- Bờ bao nuôi trồng thủy sản bị vỡ, hư hỏng khi thiên tai xảy ra.
- Thủy sản chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra.

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch:

Loại hình Thiên tai, BDKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BDKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, nước biển dâng, sạt lở bờ biển.	- Thôn 1, 4,6 mỗi thôn 01 hộ - Thôn 3: 03 hộ - Thôn 2:04 hộ	Tăng	-Công tác quảng bá thương hiệu bãi tắm chưa có chiều sâu nên chưa thu hút được khách du lịch -Lên quán quy hoạch chưa đồng bộ, một số hàng quán tự động nâng giá dịch vụ không bán hàng theo giá niêm yết. -Người dân chủ quan không di chuyển hàng hóa đến nơi an toàn. -Một số hộ không chấp hành luật việc di dời sơ tán của Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã -Thiếu kiến thức về kinh doanh du lịch (chủ yếu tự phát). Kiến thức, kỹ năng PCTT, BDKH	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4 (tình trạng dễ bị tổn thương): Quy mô còn nhỏ, lẻ, mới có 09 hộ kinh doanh ăn uống, chưa đa dạng, thiếu các dịch vụ đi kèm; Dịch vụ khác sạn, nhà nghỉ chưa được đầu tư; Công tác quản lý, cứu hộ cứu nạn, đầu tư cơ sở hạ tầng chưa tương xứng với tiềm năng

thể mạnh; khu vực sạt lở chưa được kè kiên cố. Chưa tổ chức các lớp tập huấn về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường cho các nhà hàng, khách du lịch (khách du lịch đến chủ yếu là tắm biển và ăn uống); Công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu chưa được chú trọng để thu hút khách du lịch.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): Địa phương đã đầu tư hệ thống giao thông từ đường quốc lộ 48B đến bãi tắm khu du lịch Vinh Thanh; Có 03 thành viên trong đội cứu hộ được trang bị kiến thức về cứu hộ cứu nạn; Có các biển báo tại khu du lịch.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai)

-Lều quán, hàng hóa bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra

-Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra

11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	Thôn 1,2,3,4, 5,6	Giảm	- Buôn bán nhỏ : 2 chợ có 200 quầy tạp hóa, 05 tiệm vàng ; Chợ hải sản (chiều) 34 hộ buôn bán hải sản; Nhỏ lẻ 270 hộ (bán tại nhà). +Buôn bán nhỏ lẻ; giá cả không ổn định. +Phụ thuộc hoàn toàn vào giá cả thị trường. +Chất lượng hàng hóa dịch vụ không được quản lý, kiểm định chặt chẽ -SXTTCN; 27 cơ sở cửa xẻ gỗ, mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ * Tiểu thủ công nghiệp: -Sản xuất nhỏ lẻ, chưa có các khu công nghiệp -Việc làm không ổn định	Thấp	Thấp

			- Một bộ phận lớn lao động đi là ăn xa, khi thiên tai xảy ra huy động nhân lực gặp nhiều khó khăn.		
--	--	--	--	--	--

Nhận xét;

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương): Chủ yếu là nữ đảm nhiệm tạo áp lực cho chị em vừa phải đảm nhiệm công việc nội trợ, buôn bán. Chủ yếu là buôn bán theo kinh nghiệm bản thân; thiếu kiến thức về kinh doanh.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng): 733 cơ sở, 1.028 lao động (723 nữ); Tổng thu nhập: 42%; Các hộ được vay vốn đầu tư hàng hóa; Các ngành nghề nông thôn tương đối đa dạng như xưởng mộc, mỹ nghệ, xây dựng, may công nghiệp tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động. Với 86 cơ sở, 141 lao động, (46 nữ) chiếm 27% tổng thu nhập, bình quân 1,6 tỷ/1 cơ sở/năm; VC: Có 1 cơ sở nhà may Thanh Phong có đầu ra sang nước ngoài thu hút 100 lao động; Mô hình giỏ nhựa đi chợ 42 hội viên tham gia (Hội phụ nữ tự mua giỏ nhựa và tặng cho 42 người);

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Hàng hóa bị ướt, hư hỏng khi thiên tai xảy ra;
- Nhà xưởng bị hư hỏng, tóc mái.
- Giảm, mất thu nhập khi thiên tai xảy ra;

12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt	Thôn 1,2,3,4,5,6	Gia tăng	- Các thôn hệ thống tăng âm loa đài công suất nhỏ; Loa cầm tay thiếu 10 loa - Chưa có biển cảnh báo nơi có nguy cơ cao; khu du lịch chưa có biển cảnh báo khu vực nước sâu; Cầu đường đắp đi từ thôn	Thấp	Cao

			<p>2, thôn 3 đi ra biển; Cầu Khe Rò đi từ thôn 3, thôn 4 đi ra biển.</p> <p>-Số hộ dân không có ti vi 1%</p> <p>-Số hộ dân không tiếp cận với Đài truyền thanh tỉnh, TW chiếm 25%. (Tuy nhiên khi khảo sát 97% hộ dân không có đài ra đi ô để nghe diễn biến thiên tai khi mất điện);</p> <p>-6/6 thôn thiếu các phương tiện cảnh báo sớm, công suất bé, không có loa cầm tay, keng...</p>		
--	--	--	--	--	--

Nhận xét:

Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương):

- Đa số người dân chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai; không biết phương châm 4 tại chỗ trong PCTT là gì, không biết cần phải làm gì trước khi thiên tai xảy ra để giảm thiệt hại; một bộ phận người dân còn chủ quan cho rằng 10 năm trở lại đây chưa có thiệt hại nhiều nên ít có ảnh hưởng bởi thiên tai họ không quan tâm; Chưa được tập huấn kiến thức về PCTT, BDKH, chưa biết cách bảo vệ môi trường, hành động làm giảm phát thải khí nhà kính chưa được chính quyền và các hộ dân quan tâm nhiều. Một bộ phận người dân không quan tâm nhiều đến công tác PCTT, tham gia sinh hoạt cộng đồng còn hạn chế

-Hoạt động tuyên thông kiến thức PCTT, BDKH chưa được quan tâm đúng mức, chưa được tuyên truyền thường xuyên (chỉ khi nào có chỉ đạo từ trên, có thông báo diễn biến thiên tai khi đó mới tuyên truyền): Người dân không nắm bắt được kế hoạch PCTT & TKCHCN, không biết các phương án cụ thể về PCTT; Các đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên thông kiến thức PCTT, BDKH, vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị nên cán bộ, hội viên, đoàn viên chưa được cập nhật, thiếu kiến thức, không quan tâm đến công tác PCTT, BDKH.

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng):

-Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đến các thôn: 01 bộ âm ly, 01 giàn phát sóng; có 16 cụm loa, với 58 loa phủ khắp 06 thôn. Có 01 hệ thống máy truyền tải tín hiệu truyền thanh, 01 máy phát điện, Loa cầm tay : 02 loa cầm tay; Khu vực chợ 01 cái, khu vực biển 01 cái.; Máy phát điện 26 cái. Tại các thôn: 6/6 thôn có bộ tăng âm loa đài; Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW, tỉnh chiếm 99%, Số hộ dân có thể tiếp cận với đài phát thanh TW và tỉnh chiếm 75%; Số hộ có radio: 3%. Tàu thuyền đánh bắt xa bờ 26 chiếc được trang bị bộ đàm, Icom, thiết bị định vị, bộ phát tần số và một số thiết bị an toàn khác. Số hộ có điện thoại: 100%.

-Hệ thống mạng, bưu điện: Hoạt động tốt, Số Hộ sử dụng mạng Internet: 60%, Địa chỉ Email của xã: vinhthanh.phuvang@thuathienhue.gov.vn, Số điện thoại liên lạc của xã: 02346516222; Máy móc trang thiết bị làm việc của các phòng ban xã: Máy tính 15 máy tính

(02 máy xách tay); máy in 08; Máy Photo: 01. Có 101 máy phát điện, trong đó UBND xã 1 máy, hộ dân 100 máy.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

- Cột, dây truyền thanh, điện sáng gây đổ mất an toàn khi thiên tai xảy ra;
- Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai xảy ra.

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH <i>Bão, lụt, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)</i>	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại <i>(Tăng, Giảm, nguyên, Giảm)</i>	TTDBTT <i>(Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BDKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BDKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BDKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lụt, hạn hán, rét hại, nước biển dâng, sạt lở bờ biển	Thôn 1,2,3,4,5,6	Tăng	-29 thành viên Ban chỉ huy PCTT & TKCHCN (4 nữ). Tổ giúp việc cho Ban phòng chống thiên tai có 7 người (4 nữ) Trong đó số người có năm tham gia dưới 5 năm: 03 người. -Lực lượng quân sự xã: 100 người (22 nữ); Trong đó số người có năm tham gia dưới 5 năm: 60 - Lực lượng công an xã: 10 người. Trong đó số người có năm tham gia dưới 5 năm: - Thanh niên xung kích: 35 người Trong đó số người có năm tham gia dưới 5 năm: người. + Cán bộ truyền thanh của xã: 02(nữ 1) -10 năm lại đây chưa diễn tập công tác PCTT&TKCHCN. -50% người dân chưa có kinh nghiệm PCTT;	Trung bình	Trung bình

Nhận xét:**Cột 4 (Tình trạng dễ bị tổn thương):**

- Phương tiện cứu hộ cứu nạn: Ban CHPCTT&TKCHCN thiếu trang thiết bị bảo hộ cho các thành viên: Lều bạt dây thừng, phao cứu sinh, áo phao, đèn pin...(chủ yếu là ở xã, các thôn không có). Các hộ dân vùng có nguy cơ cao do lụt không trang bị áo phao; Các phương tiện, hậu cần tại chỗ còn thiếu, khi có tình huống xảy ra còn lúng túng

-Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN được tập huấn kiến thức PCTT chưa thường xuyên, số lượt người tham gia ít (2-3) do huyện tổ chức; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm, Luật PCTT, Đề án 1002 của Chính phủ chưa được triển khai; Kinh phí hoạt động còn hạn chế, còn phụ thuộc vào ngân sách được cấp hàng năm.Do lực lượng cán bộ xã thường xuyên thay đổi nên một số thành viên BCH còn thiếu kinh nghiệm trong công tác PCTT và TKCN;Sự phối hợp trong công tác PCTT, TKCN chưa được làm thường xuyên, chưa được các tổ chức, đoàn thể đưa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị; Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng nhất là nhóm dễ bị tổn thương; Một số thành viên ban chỉ huy PCTT& tìm kiếm cứu nạn chưa nhiệt tình;

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng); Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã được kiện toàn với 30 thành viên, trong đó có 05 nữ; Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên xuống địa bàn thôn để nắm thông tin, vận động di dời dân và tài sản khi có thiên tai xảy ra. Các trưởng thôn đều là thành viên của BCH PCTT và TKCN xã. Lực lượng quân sự xã: 100 người (22 nữ); Lực lượng công an xã: 10 người; Thanh niên xung kích: 35 người (Nữ: 0); Cán bộ truyền thanh của xã: 02 (nữ 1); Lực lượng cứu hộ cứu nạn xã năm 2017 được tham gia tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; hàng năm có triển khai phương án ứng phó với loại hình thiên tai cụ thể, tổ chức tập huấn cho thành viên ban chỉ huy PCTT&TKCHCN xã mỗi năm 01 lần; Khi có thiên tai Ban chỉ huy PCTT của xã phối hợp với các ban ngành của xã và chỉ huy xuống các lực lượng của thôn để triển khai công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả (lực lượng phối hợp chính là 3 người thuộc lực lượng tại chỗ, và thôn đội trưởng và công an viên của thôn); Huy động được nguồn lực trong người dân để ứng phó khi có sự cố xảy ra; Tổ chức thăm hỏi, động viên giúp đỡ các hộ bị thiệt hại sau thiên tai.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai):

-Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra

-Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn còn thiếu không đảm bảo an toàn cho người thực thi nhiệm vụ khi thiên tai xảy ra.

14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)

v.v.)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Th ứ t ự u u t iên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân	Giải pháp
1	-Nhà thiếu kiên cố: 359 nhà, 4 nhà đơn sơ tạm bọt bị hư hỏng, nhà văn hóa thôn tốc mái khi thiên tai xảy ra	-Nhà đơn sơ: Nhà không kiên cố: 359 nhà; nhà bán kiên cố: 1209 nhà; nhà đơn sơ tạm bọt: 4 nhà Nhà nằm ở vùng có nguy ơ cao; -70% nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố lợp mái tôn và Broxi măng - Thiếu nhân lực để chằng chống trước mùa thiên tai, toàn xã có 622 lao động đi làm ăn xa; 196 phụ nữ làm chủ hộ, 33 phụ nữ đơn thân phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình	- Thiếu kiến thức về làm nhà an toàn (Nhà lợp mái ngói, không đắp con chạch); Không có phòng tránh bão, lũ. - 80% các hộ chủ quan, thiếu kiến thức, kỹ năng PCTT; - Thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, đa số là hộ người già, con cái ở riêng hết. hộ già thường thiếu kinh tế - Các hộ là phụ nữ đơn thân, người khuyết tật không có khả năng về sức khỏe để thực hiện phòng chống thiên tai; - Do phong tục tập quán địa phương, tâm lý các hộ tập trung kinh phí vào xây lăng mộ gia đình không chú trọng đến việc tu sửa, nâng cấp nhà ở an toàn trước thiên tai. -Không có vốn đối ứng để xây dựng nhà khi có hỗ trợ từ bên ngoài.	- Tuyên truyền, hướng dẫn xây dựng nhà an toàn - Hướng dẫn kỹ năng chằng chống nhà cửa cho các hộ ở vùng nguy cơ cao, nhà kém an toàn - Hỗ trợ về ngày công, vật lực từ các ban ngành đoàn thể xã. - Vận động nguồn lực giúp đỡ các hộ xây nhà an toàn (từ các đoàn thể, các tổ chức, dự án) - Kịp thời sơ tán các hộ ở vùng nguy cơ cao về nơi tránh trú an toàn - Tuyên truyền vận động các hộ gia đình có nhà ở kém an toàn thay đổi dần các nhận thức, giảm bớt các hủ tục, tập quán lạc hậu - Xây dựng nhà tránh trú cộng đồng tại thôn 5

2	<p>9,85 km đường giao thông liên thôn, 16,12 km đường giao thông nông xóm; có 2,3 km đường giao thông nội đồng và 02 cầu, 09 cống bị hư hỏng không đảm bảo an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nền đường yếu phương tiện giao thông quá tải đi lại nhiều, thường xuyên - Lụt kéo dài và ngập úng ngấm lâu làm yếu nền - Đường giao thông không có hệ thống thoát nước nên nước ứ đọng đường dễ bị hư hỏng 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kinh phí sửa chữa - Khả năng vận động nguồn lực còn hạn chế - Còn một bộ phận người dân tham gia đóng góp chưa tích cực, thiếu ý thức cộng đồng - Nguồn hỗ trợ kinh phí từ trên xuống về xây dựng nông thôn mới còn ít - Ý thức bảo vệ tài sản chung các con đường còn thấp, chở quá tải quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nguồn lực để xây dựng đường liên thôn, liên xã, đường nội đồng - Nâng cấp sửa chữa 02 cầu tại thôn 4, 6 và 1 cầu tại thôn 2 - Tuyên truyền vận động các hộ tham gia đóng góp cộng đồng. - Xây dựng quy chế bảo dưỡng, vận hành hệ thống giao thông, nhà tránh trú cộng đồng.
3	<p>Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu, hoa cảnh khi thiên tai xảy ra</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có quy hoạch diện tích trồng rau màu (chủ yếu mang tính tự phát). - Chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm - Số lượt người được tập huấn kỹ thuật trồng rau màu ít 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch vùng trồng rau màu an toàn, định hướng trồng các loại rau có giá trị kinh tế cao thích ứng biến đổi khí hậu - Diện tích trồng rau màu không tập trung, nhỏ lẻ, manh mún. - Chưa có hướng dẫn, định hướng của chính quyền địa phương để trồng các loại rau có giá trị kinh tế. - Do kinh tế làm ăn nhỏ lẻ, không tập trung, người dân làm tự phát, không chấp hành theo chỉ đạo của xã - Các khu nghĩa trang đã quy hoạch nhưng chưa được thực hiện (các khu lăng mộ đang được nằm xen kẽ trong các khu dân cư), giảm chất lượng rau màu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân địa phương, vận động các hộ dân thực hiện theo đúng quy hoạch của địa phương - Tập huấn kiến thức về trồng rau màu cho các hộ dân. Kiến thức về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe của chính người dân - Bố trí các cống bi thu gom các rác thải nông nghiệp (bao bì thuốc bảo vệ thực vật). - Hướng dẫn vận động người dân đầu tư sử dụng hệ thống nước tiết kiệm trong trồng màu - Tìm đầu ra ổn định cho các hộ trồng rau màu; - Hướng dẫn, tập huấn cho các hộ trồng các loại rau màu có

			<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý các hộ dân không muốn áp dụng kỹ thuật trồng rau an toàn (Mặc dù một số hộ đã được tập huấn). - Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không an toàn (mới phun xong đem bán ngay) 	<p>giá trị kinh tế cao; liên doanh liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm .</p>
4	Ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình cuối nguồn khi có bão rác thải đổ về - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh, 50% xả nước thải trực tiếp ra môi trường. - Sản phẩm phụ sau thu hoạch (rom, rác, cói) xả ra môi trường. - 40% nhà vệ sinh tạm bợ - Rác thải sinh hoạt, xác động vật chết xả xuống sông và vớt bừa bãi ra môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Do chăn nuôi nhỏ lẻ, - Ý thức của người dân kém, xả thải ra môi trường - Một bộ phận người dân không chấp hành thu gom rác thải; - Hệ thống kênh mương tiêu thoát nước chưa kiên cố; người dân bồi lấp gây ách tắc gây ngập úng cục bộ - Chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là ở các hộ gia đình nên chuồng trại còn tạm bợ, không có hệ thống xử lý nước thải. Còn thải các chất thải trực tiếp ra môi trường - Ý thức người dân còn kém chưa tự giác, còn vớt rác bừa bãi. - Khu nghĩa địa đã quy hoạch nhưng thiếu đồng bộ. - Thu gom rác một tuần 2 lần chưa đáp ứng nhu cầu - Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm vệ sinh môi trường (chưa có quy chế xử phạt). - Vứt vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi - Các cánh đồng không có các cống bi thu gom bao bì 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân - Tăng cường các hình thức xử phạt những hành vi vi phạm về môi trường - Tổ chức phong trào VSMT, khơi thông cống rãnh cho các đoàn thể, trường học thường xuyên - Mua sắm thùng rác nơi công cộng - Hướng dẫn, hỗ trợ các hộ chăn nuôi làm hầm biogas; sử dụng điện tiết kiệm, giảm phát thải. - Nạo vét kênh mương, hệ thống cống rãnh thoát nước trước mùa thiên tai - Vận động nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo làm nhà vệ sinh và bể dự trữ nước. - Quy hoạch hệ thống cống thoát nước khu dân cư; vận động nguồn lực xây dựng kiên cố. - Xây dựng quy chế bảo vệ, tự quản về vệ sinh môi trường tại các khu dân cư. - Tăng cường tuyên truyền công tác vệ sinh môi trường, thực hiện tốt phong trào 5 không 3 sạch do TW Hội phụ nữ phát động.

			<p>thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>-Các hộ nghèo khó khăn chưa có điều kiện để xây dựng nhà vệ sinh tự hoại và bể chứa nước .</p> <p>-Thôn 5 còn một số hộ không thực hiện thu gom rác thải</p>	<p>-Xây dựng mô hình tổ hội phụ nữ nâng cao kiến thức PCTT, BDKH, tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH.</p>
5	<p>Nuôi trồng thủy sản mất con giống; mất sản lượng .</p> <p>Đánh bắt thủy sản hư hỏng tàu thuyền, mất ngư lưới cụ mất thu nhập.</p>	<p>- 45 ha nuôi trồng thủy sản ở vùng có nguy cơ cao. Trong đó có 15ha ngoài đê bao.</p> <p>- Hệ thống bờ bao thấp dễ bị sạt lở.</p> <p>-26 tàu đánh bắt xa bờ, 95 thuyền đánh bắt gần bờ, 40 ghe đánh bắt đầm phá.</p> <p>- Nơi neo đậu tàu thuyền đánh bắt xa bờ chưa đảm bảo an toàn;</p> <p>-Chưa có nơi neo đậu cho thuyền đánh bắt gần bờ</p>	<p>- Thuyền nhỏ, đánh bắt gần bờ, thiếu các trang thiết bị bảo hộ và thiết bị cảnh báo.</p> <p>- Do tranh chấp ngư trường của các tàu thuyền của các địa phương, các tỉnh lân cận và tàu thuyền nước ngoài lớn hơn</p> <p>- Lực lượng kiểm tra còn mỏng</p> <p>- Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, BDKH</p> <p>- Chưa có âu tránh trú thiên tai cho tàu thuyền.</p> <p>-Chưa được trang bị kiến thức neo đậu tàu thuyền an toàn</p> <p>- Một bộ phận người dân chủ quan, chưa chấp hành chỉ đạo của BCH PCTT&TKCN của địa phương (khi có thông báo)</p> <p>- Chưa có hồ chứa nước xả thải để lắng nước xả thải, người dân nuôi trồng thủy sản xả thải trực tiếp ra môi trường</p> <p>- Chưa được tập huấn kiến thức BVMT, bảo vệ nguồn nước</p> <p>- Các hộ nuôi tự phát, không nuôi theo thời vụ; nguồn con giống không đảm bảo chất lượng ổn</p>	<p>- Hỗ trợ vay vốn,</p> <p>- Tạo công ăn việc làm cho lực lượng người già phù hợp với ngành nghề của địa phương (như đan vá lưới)</p> <p>- Thường xuyên Tổ chức tập huấn kiến thức về PCTT và BDKH cho những lao động đánh bắt.</p> <p>- Có biện pháp xử lý hành chính đối với các hộ không chấp hành nghiêm chỉnh chỉ đạo về PCTT</p> <p>- Quy hoạch vùng xây dựng hồ lắng nước xả thải, Khi hết hợp đồng với các hộ nuôi tôm (thời gian đầu giá là 5 năm).</p> <p>- Tập huấn tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, nguồn hải sản khi đánh bắt, nuôi trồng.</p> <p>- Tuyên truyền, vận động khuyến cáo các hộ nuôi trồng theo lịch thời vụ.</p> <p>- Tăng cường năng lực cho Hợp tác xã NN để đi vào hoạt động có hiệu quả.</p>

			định	
6	Hệ thống cống, kênh mương bị hư hỏng, ách tắc, hư hỏng khi thiên tai xảy ra	-Toàn bộ hệ thống cống rãnh khu dân cư chưa được kiên cố. (1km được kiên cố). -Ý thức một số hộ dân còn hạn chế làm hư hỏng, ách tắc hệ thống cống rãnh khi vận chuyển vật liệu, hàng hóa và xây dựng. -Chưa có quy hoạch và đầu tư đồng bộ	- Hệ thống kênh mương không kiên cố - Hệ thống kênh mương bị ngắt quãng do làm nhà ở chen vào (không theo quy hoạch) - Chưa có đầu tư xây dựng kiên cố - Người dân không có ý thức chấp hành lạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy theo chỉ đạo của xã, thôn - ý thức người dân kém trong việc chấp hành pháp luật, quy định của xã	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân chấp hành pháp luật, - Nâng cao nhận thức về chủ trương đường lối chính sách của nhà nước. - Tuyên truyền vận động ý thức người dân chấp hành chỉ đạo của địa phương - Nạo vét kênh mương trước mùa thiên tai. -Vận động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương. -Xây dựng quy chế vận hành bảo vệ kênh mương, duy tu bảo dưỡng hàng năm.
7	Gia súc, gia cầm bị chết, trôi, dịch bệnh khi bão, lụt xảy ra	Chuồng trại chưa đảm bảo, trích ngừa chưa được đảm bảo Trong gia trại người dân	- Chăn nuôi nhỏ lẻ, xả thải bừa bãi, khi Ngập lụt gây ô nhiễm nguồn nước gây dịch bệnh - Không thực hiện tiêm phòng cho gia súc, gia cầm theo quy định - Ý thức người dân thấp không tuân theo hướng dẫn của cán bộ thú y. -Các hộ chăn nuôi còn chủ quan, trông chờ, không mạnh dạn đầu tư. -Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi (chủ yếu theo kinh nghiệm).	- Vận động người dân xây các hố bioga tập trung chất thải để tránh ô nhiễm môi trường - Kêu gọi nguồn hỗ trợ người dân xây dựng các hố bioga - Tập huấn nâng cao ý thức người dân trong công tác chuẩn bị chuồng trại, bảo vệ môi trường và nâng cao kiến thức kỹ thuật chăn nuôi, ý thức chấp hành quy định chăn nuôi của cán bộ th-Vận động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng chuồng trại đảm bảo an toàn: Thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.
8	Hàng hóa,	-Lều quán tạm bợ	-Công tác quảng bá thương hiệu bãi tắm chưa có chiều	-Kêu gọi đầu tư xây dựng, quảng bá thương hiệu bãi tắm

	<p>lều quán buôn bán dịch vụ, du lịch bị hư hỏng</p>	<p>-Buôn bán nhỏ lẻ -Thiếu kiến thức PCTT, BDKH</p>	<p>sâu nên chưa thu hút được khách du lịch -Lều quán quy hoạch chưa đồng bộ, một số hàng quán tự động nâng giá dịch vụ không bán hàng theo giá niêm yết. -Đa số các hộ buôn bán để hàng hóa tại chợ, tại khu du lịch bãi tắm -Một số lều quán tạm bợ, tự phát -Người dân chủ quan không di chuyển hàng hóa lên nơi an toàn. -Một số hộ không chấp hành luật việc di dời sơ tán của Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN của xã -Thiếu kiến thức về kinh doanh du lịch (chủ yếu tự phát).</p>	<p>khu du lịch Vinh Thanh. -XD bãi tắm thành khu du lịch có thương hiệu thu hút khách trong và ngoài tỉnh. -Tập huấn đào tạo đội sơ cấp cứu biển chuyên nghiệp đảm bảo an toàn khách du lịch -Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho các hộ dân làm nghề kinh doanh tại bãi tắm . -Tập huấn đào tạo ngăn ngừa về kiến thức kỹ năng kinh doanh du lịch cho các hộ, ưu tiên lao động nữ. -Nhân rộng mô hình đan lưới, tạo công ăn việc làm cho chị em phụ nữ, người cao tuổi tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân.</p>
9	<p>Người có nguy cơ bị thương, chết khi có bão, lụt</p>	<p>-Nhà văn hóa 05 thôn là nhà mái ngói (Nhà không an toàn) - Thiếu các trang thiết bị cá nhân về cứu hộ cứu nạn từ xã đến các thôn. -Thiếu kiến thức PCTT, BDKH; thiếu kinh nghiệm, năng lực PCTT, thích ứng BDKH - Cột BTS được lắp đặt xen kẽ trong khu dân cư, gây mất an</p>	<p>-Vận động nguồn lực còn khó khăn; một số hộ dân chưa tham gia tích cực. -Một số các hộ dân còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, BDKH -Các hộ còn chưa chủ động chặt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai; Khi đã có thông báo bão, lũ vẫn đi đánh bắt, dầu ngư trường; -Các hộ dân chưa chủ động trang bị bảo hộ cá nhân, cứu hộ cứu nạn -Không có biển cảnh báo ở vị trí có nguy cơ cao. -Bãi tắm Vinh Thanh (vị trí thôn 20 đã đi hoạt động từ 2009 đến nay nhưng công</p>	<p>-Tiếp tục kêu gọi vận động nguồn lực xây dựng àm nhà tránh trú cộng đồng tại thôn 5. -Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho lực lượng tham gia công tác PCTT từ xã đến thôn -Nâng cao kiến thức về PCTT, Cứu hộ cứu nạn cho người dân -Tổ chức diễn tập PCTT, BDKH. -Vận động các hộ ở vùng nguy cơ cao mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn -Kiện toàn, tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích tại bãi tắm Vinh Thanh,</p>

		toàn khi thiên tai xảy ra	tác cứu hộ cứu nạn chưa đảm bảo -Thiếu nước sạch để sinh hoạt	
10	Hệ thống truyền thanh, 09 cột điện sáng sáng xuống cấp hư hỏng không đảm bảo an toàn trước thiên tai	-09 cột điện sáng hư hỏng -30% hộ dân không tiếp cận được các thông tin từ truyền thanh xã. -Thiếu các loa cầm tay tại các thôn.	-Do cột điện yếu, chậm được khắc phục. - Hệ thống truyền thanh hữu tuyến hiện đại vừa được đầu tư mới từ xã đến 6 thôn. Tuy nhiên, một bộ phận nhân dân không có thói quen nghe đài truyền thanh. -Mất điện khi thiên tai xảy ra	- Kiên cố 09 cột điện chiếu sáng đảm bảo an toàn. -Mua sắm loa cầm tay cho các thôn và xã. -Lắp thêm cụm loa cho các thôn

2. Tổng hợp giải pháp phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến			Nguồn ngân sách dự kiến		
				Ngắn hạn (1-2 năm)	Trung hạn (2-3 năm)	Dài hạn (4 -5 năm)	Nhà nước	Ngư ời dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường,	Xây dựng hệ thống hệ thống tiêu thoát nước ở các khu	Toàn dân	1. Xây dựng hệ thống thoát nước		x		100%		
			2. Xây dựng hệ thống nước thải trong khu dân cư 6/6 thôn		x		50%	50%	

Trạm, Công trình Thủy lợi)	dân cư; Xây dựng 9 cột điện sáng tại các thôn...		3. Xây dựng quy chế bảo quản, xử phạt những hộ gia đình lấn chiếm hành lang an toàn giao thông	x	x		100 %		
			4. Xây dựng 09 cột điện bị hư hỏng	x			100 %		
Đầu tư, nâng cấp 9,85 km đường giao thông liên thôn, 16,12 km đường giao thông ngõ xóm; có 2,3 km đường giao thông nội đồng và 02 cầu	Người dân toàn xã		1. Đầu tư làm 9,85km đường giao thông liên thôn, 16,2 km đường ngõ xóm		x		100 %		
			2. Nâng cấp 02 cầu trên tuyến đường		x		100 %		
			3. Xây dựng 2,3 km giao thông nội đồng phục vụ sản xuất		x		50% 50%		
Đầu tư xây dựng, nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền để đảm bảo tránh trú an toàn cho tàu thuyền	Ngư dân		1. Lập tờ trình kiến nghị tỉnh	x			100 %		
			2. Nâng cấp nơi neo đậu tàu thuyền đảm bảo cho thuyền tránh trú		x		100 %		
			3. Tập huấn, hướng dẫn cách neo đậu tàu thuyền theo đúng kỹ thuật	x			100 %		

	Đầu tư xây dựng 13,3 km kênh mương tưới, tiêu, 08 công tiêu thoát nước. Kè chống sạt 1km bờ biển sạt lở tại bãi tắm Vinh Thanh	Toàn xã	1. Nạo vét, khơi thông kênh mương	x			100 %		
2. Xây dựng 13,3km kênh mương và 08 công tiêu nước				x		100 %			
3.Kè chống sạt lở 1km bờ biển khu bãi tắm Vinh Thanh				x		100 %			
Nhà ở	Hỗ trợ nâng cấp, xây nhà ở 359 nhà thiếu kiên cố và 4 nhà đơn sơ, nhà tránh trú cộng đồng tại thôn 5.	Các hộ dân	1. Hỗ trợ xây dựng 4 nhà tạm bợ	x			10%	50%	GCF 40%
			2. Hỗ trợ nâng cấp, xây dựng 359 nhà thiếu kiên cố		x		10%	50%	GCF 40%
			3. Hỗ trợ xây nhà tránh trú cộng đồng thôn 5		x			70%	GCF 30%
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Nâng cao năng lực địa phương về nước sạch vệ sinh môi trường thích ứng với BĐKH	Người dân toàn xã	1.Lắp đặt hệ thống nước máy để 100% các hộ được sử dụng nước máy		x		70%	30%	
			2.Vận động 50 hộ dân thôn 5 chưa thực hiện thu gom rác thải cần phải thực hiện thu gom đúng quy định	x				100 %	
			3. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi	x	x		100 %		

			phạm về VSMT						
			4.Lắp đặt công bi tại khu trồng trọt, hướng dẫn các hộ dân bỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng nơi quy định						
	Hỗ trợ các hộ nghèo xây nhà vệ sinh, Hướng dẫn, hỗ trợ các hộ nghèo chăn nuôi làm hầm Biogas	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ 200 hộ nghèo làm nhà vệ sinh	x			30%	20%	50%
			2.Hỗ trợ hộ nghèo chăn nuôi làm hầm bioga	x			80%	20%	
Y tế	Nâng cao kiến thức chăm sóc sức khỏe, nước sạch vệ sinh môi trường cho người dân	Toàn xã	1.Tuyên truyền kiến thức sức khỏe vệ sinh môi trường cho người dân	Hàng năm			100%		
			2.Tổ chức khám chữa bệnh cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và phụ nữ	x			30%		70%
			3.Hướng dẫn các hộ dân trồng và sử dụng thuốc nam	x			100%		
Giáo dục	Nâng cao kiến thức PCTT, BDKH, kiến thức về giới, giới tính	Giáo viên, học sinh	1.Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, giới,	x			50%		50%
			2.Tổ chức truyền thông, hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH...	x			100%		

	và bình đẳng giới								
			3.Hỗ trợ bể bơi cho các nhà trường	x			30%		70%
			4.Tổ chức dạy bơi cho các em học sinh	x			50%	50%	
Rừng	Trồng rừng phòng hộ, trồng cây xanh, cây ăn quả trong khu dân cư	Toàn xã	1. Khảo sát lại 21,95 ha diện tích đất trồng phòng hộ	x			50%	50%	
			2. Tổ chức trồng bổ sung diện tích rừng	x			20%	80%	
			3. Hướng dẫn các hộ dân trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao khu vực dân cư bảo vệ môi trường	x				100%	
Trồng trọt	Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và chuyển giao KHKT trồng trọt tạo công ăn việc làm cho phụ nữ	Phụ nữ toàn xã	1. Nhân rộng mô hình trồng rau an toàn, mô hình trồng sen	x			100%		
			2.Khuyến cáo các hộ dân trồng các loại rau màu đạt giá trị kinh tế cao		x		100%		
		Toàn xã	3.Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho các sản phẩm từ các loại rau màu		x		100%		
			4. Tập huấn chuyển giao KHKT trồng trọt	x			50%		50%

			cho các hộ dân						
			3. Tuyên truyền vận động người dân thực hiện	x	x		100%		
Chăn nuôi	Tập huấn chuyển giao KHKT về chăn nuôi	Toàn xã	1. Tập huấn chuyển giao KHKT chăn nuôi		x		50%	20%	GCF 30%
			2. Đào tạo nghề cho lực lượng lao động		x		100%		
			3. Tìm đầu ra cho chăn nuôi, nhân rộng mô hình chăn nuôi gà		x		50%	50%	
Thủy sản	Hỗ trợ vay vốn đánh bắt xa bờ và hỗ trợ hệ thống tin liên lạc	Các hộ đánh bắt thủy sản	1. Hỗ trợ vay vốn đóng thuyền đánh bắt xa bờ		x		100%		
			2. Hỗ trợ áo phao, phao cứu sinh cho các thuyền đánh bắt gần bờ, đâm phá	x			30%	20%	GCF 50%
			3. Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH kỹ năng sơ cấp cứu cứu hộ, cứu nạn cho lao động đánh bắt	x			30%	20%	GCF 50%
	Quy hoạch hệ thống xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản; nâng cao kiến thức nuôi trồng thủy	Các hộ nuôi trồng thủy sản	1. Quy hoạch vùng lại vùng nuôi trồng		x		100%		
			2. Tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản	x			50%	50%	
			3. Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho các		x		30%	20%	GCF 50%

	sản cho các hộ		hộ nuôi trồng thủy sản						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, BDKH, nước sạch VSMT	Toàn xã	1.Lắp đặt thêm các cụm loa tại 6 thôn	x			50%		GCF 50%
			2. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x		100%		
			3. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x		50%	50%	
			4. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x				GCF 100%
			5. Diễn tập PCTT	x			30%	20%	GCF 50%
			6.Cắm biển cảnh báo những nơi có nguy cơ cao	x			100%		
			7. Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi	x	x		50%	50%	
			8.Tập huấn PCTT, BDKH cho người dân và học sinh các trường học	x			30%	20%	GCF 50%
	Tuyên truyền cho nam giới và nữ giới về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới để giảm bắt	Nam/nữ toàn xã	1.Tổ chức tập huấn cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình		x		100%		
			2. Tuyên truyền cho nam, nữ về luật hôn nhân gia đình và bình	x	x		100%		

	bình đẳng giới		đẳng giới						
Phòng chống thiên tai và TUBĐK H	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn	Người dân vùng nguy cơ cao và các nhà tạm bợ	1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình.	x			100%		
			2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao	x			50%	50%	
			3. Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết khi đi sơ tán	x			100%		
			4. Xử lý vệ sinh môi trường sau thiên tai	x			30%	70%	
M	Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chữ thập đỏ	Đội xung kích cứu hộ, cứu nạn xã, thôn	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn	X			30%		GCF 70%
			2. Tập huấn kỹ năng cho đội xung kích CTĐ và sơ cấp cứu	x			30%		GCF 70%
Dịch vụ, du lịch	Quảng bá thương hiệu, kêu gọi đầu tư hạ tầng cơ sở, mở rộng khu du lịch bãi tắm Vinh Thanh.	Toàn xã	1. Quy hoạch cơ sở hạ tầng	x	x		100%		
			2. Quảng bá thương hiệu	x	x		100%		
			3. Kêu gọi đầu tư		x		100%		
	Nâng cao	Các hộ	1. Đào tạo nghề	x			50%	50%	

	năng lực cho các hộ làm du lịch, nhân viên phục vụ khu du lịch	kinh doanh	du lịch, ăn uống						
			2. Tổ chức, quản lý giá cả và chất lượng hàng hóa phục vụ khách du lịch		x		100 %		
			3. Tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội sơ cấp cứu biển		x		100 %		

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Vinh Thanh do nhóm hỗ trợ kỹ thuật & nhóm hỗ trợ cộng đồng của xã thực hiện tháng 7/2018./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP.

TM. NH TRƯ PHT

Phan Đức Anh

E. PHỤ LỤC LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1	Phan Đức Anh	PCT UBND xã	0979037307
2	Lê Thị Thương	Phụ trách Văn thư Lưu trữ	0963919067
3	Đỗ Thị Hà	PCT Hội Nông dân	01659124384
4	Nguyễn Văn Trình	Chủ tịch Hội Nông Dân	0949553343
5	Võ Văn Lành	Công chức Văn hóa – xã hội	0966139579
6	Võ Lê Tấn Hữu	Công chức Văn phòng – thống kê	01668941645
7	Trần Quang Chánh	Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã	0898244221
8	Nguyễn Thị Sự	PCT Hội Phụ nữ	0979033011
9	Phan Tặng	Công chức Văn phòng – thống kê	0988171743
10	Nguyễn Hùng Vinh	Bí thư đoàn xã	01222446229